| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CAO LÃNH**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 72/2025/DS-ST
Ngày: 07-5-2025
*V/v Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhã Quyên

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thanh Tâm

2. Ông Châu Quốc Tuấn

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Bích Vân - Thư ký viên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tèo – Kiểm sát viên.

Vào ngày 07/5/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 509/2024/TLST-DS về việc *"Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản"* Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 633/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 141/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Ngọc T**, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của chị T là ông Trần Thanh H, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số A, Đường số A, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/7/2023).

- Bị đơn: Anh **Phạm Ngọc P**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ông H có mặt, anh P vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***1. Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Trần Thanh H đại diện nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc T trình bày:***

Vào năm 2021, chị Lê Thị Ngọc T có quen biết với anh Phạm Ngọc P khi anh P đi lắp đặt máy vi tính để phục vụ việc kinh doanh dịch vụ Internet cho nhiều người dân ở xã A trong đó có chị T. Anh P có hỏi vay tiền của chị T

nhưng vào thời điểm đó chị T không có tiền để cho anh P vay. Do thấy anh P cần tiền để có vốn kinh doanh và vì tin tưởng anh P nên chị T có đứng ra kí hợp đồng vay của công ty T1 tổng cộng 80.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Lần 1: Vay của Công ty T1 tại thành phố S, số tiền vay 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)*.

- Lần 2: Vay của Công ty T1 tại thành phố S, số tiền vay 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng).*

- Lần 3: Vay tại Công ty T1 tại thành phố S, số tiền vay 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)*.

Khi nhận tiền vay tổng cộng 80.000.000 đồng chị T đưa anh P sử dụng. Anh P có trao đổi với chị T lắp đặt 08 máy vi tính tại nhà chị T để mở rộng kinh doanh, lợi nhuận thu được sẽ chia đôi, nhưng thực tế anh P chỉ lắp được 03 máy. Theo thỏa thuận của chị T và anh P các máy hoạt động thì lợi nhuận chia đôi, lợi nhuận từ hoạt động này anh P nhận được 03 kỳ mỗi kỳ 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng).* Máy hoạt động được một thời gian thì hư hỏng và anh P không thực hiện việc trả tiền vay cho chị T theo thỏa thuận. Do chị T không thực hiện việc đóng lãi và trả tiền gốc vay đúng theo hợp đồng đã ký kết, các công ty tài chính thúc ép đòi nợ nên chị T có làm đơn gửi đến Công an xã M. Tại biên bản thỏa thuận ngày 26/7/2022 thì anh P đồng ý trả cho chị T 50% số tiền của 60.000.000 đồng tiền nợ vay cộng với số tiền 20.000.000 đồng mà anh P nhờ chị T vay sử dụng với mục đích các nhân. Như vậy tổng số tiền anh P nợ chị T là 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*. Từ khi thỏa thuận đến nay đã trên 01 năm nhưng anh P không thực hiện được lời hứa trả số tiền cho chị T, trong khi đó các công ty tài chính cứ thúc ép đòi nợ chị T.

Tại đơn khởi kiện ngày 26/4/2024, chị Lê Thị Ngọc T yêu cầu anh Phạm Ngọc P có phải có trách nhiệm trả cho chị Lê Thị Ngọc T số tiền còn nợ là 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 26/7/2022 đến 26/4/2024 là 21 tháng: 50.000.000đồng × 0,83%/tháng × 21 tháng = 6.175.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi 56.175.000 đồng *(Năm mươi sáu triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).*

Tại phiên tòa, ông Trần Thanh H đại diện cho nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc T trình bày, chị T xin thay đổi yêu cầu khởi kiện. Nay chị Lê Thị Ngọc T yêu cầu anh Phạm Ngọc P có trách nhiệm trả cho chị T số tiền vay là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Khi có tranh chấp hợp đồng hùn vốn với anh P thì chị T sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác. Ngoài ra, ông H không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

***2. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Ngọc P trình bày***:

Khoảng năm 2021, chị T có liên hệ anh P để bảo trì, sửa chữa, lắp đặt lại phòng game của chị T tại xã A. Trong quá trình làm việc, anh P có hỏi vay chị T số tiền 20.000.000 đồng, do chị T không có sẵn tiền nên chị T có đứng ra vay

của Công ty T1, anh P đồng ý gửi trả tiền vay hàng tháng cho chị T để chị T đóng tiền lại cho Công ty T1.

Khi đến sữa chữa máy cho chị T thì anh P nhận thấy khách hàng của chị T đến chơi game đông, khách phải ngồi chờ đến lượt do chị T không có đủ máy. Anh P với chị T có thỏa thuận là vay thêm số tiền 60.000.000 đồng cộng với số tiền góp còn lại của lần vay trước 20.000.000 đồng chị T đã đưa cho anh P sẽ dùng toàn bộ để lắp đặt 08 máy vi tính tại nhà chị T, thì sau khi lắp máy lợi nhuận sẽ chia cho anh P 50%. Phần doanh thu của anh P sẽ dùng cho việc trả góp bên Công ty tài chính hàng tháng, phần phí sửa chữa bảo trì hàng tháng anh P cũng sẽ không tính phí, riêng phần hư hao cần thay thế thì chi phí anh P và chị T mỗi người chịu 50%.

Trong quá trình lắp đặt anh P có đem xuống 08 bộ máy và bàn ghế, anh P có báo với bên chị T là sẽ cho hoạt động trước 03 máy, còn 05 bộ máy còn lại anh P để sẵn tại phòng game chị T trước do vượt kinh phí ban đầu và chưa tìm được đủ linh kiện. Anh P và chị T thỏa thuận lại trong 03 tháng đầu, mỗi tháng chị T đưa anh P 5.000.000 đồng, sau 03 tháng anh P hoàn thành đầy đủ 05 máy còn lại thì bắt đầu chia lợi nhuận 50% mỗi bên. Sau đó, trong 03 tháng đầu chị T hoàn toàn không làm theo thỏa thuận mặc dù biên bản nói đưa anh P 3.000.000 đồng nhưng số tiền anh P nhận thực tế chưa tới 3.000.000 đồng. Vấn đề phát sinh từ tháng thứ 04, chị T hoàn toàn không đưa anh P thêm bất cứ số tiền nào. Khi anh P đề cập đến việc chia lợi nhuận thì chị T tìm mọi lý do như không có tiền, không biết, hẹn tháng sau đưa. Trong khi suốt quá trình hoạt động chi phí sửa chữa bảo trì và thay thế linh kiện hư hỏng thì một mình anh P chịu hết 100%, chính vì vậy anh P không đủ chi phí để tiếp tục đóng tiền cho bên Công ty T1 và anh P cũng có thông báo với chị T như vậy.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, anh P tiến hành xuống phòng game sửa chữa và thay thế 10 máy không hoạt động thì anh P phát hiện về việc một số máy không đúng với ban đầu và có hỏi chị T nhưng chị T không trả lời mà chị T và gia đình chị T lại báo Công an xã A, huyện C nói anh P lừa đảo vay tiền. Tại trụ sở làm việc Công an xã A, chị T có thừa nhận là thỏa thuận số tiền vay để lắp máy nhưng chị T không muốn tiếp tục làm việc với anh P và yêu cầu anh P trả số tiền mà chị T cho vay theo thỏa thuận để mua máy. Nội dung văn bản làm việc anh P đồng ý trả cho chị T 20.000.000 đồng, số tiền còn lại chị T yêu cầu thì anh P thống nhất thanh lý máy tính mà anh P lắp đặt tại phòng game để giải quyết số tiền còn lại cho chị T, nếu thiếu thì anh P với chị T người chịu 50% bù vào còn dư thì cũng phải chia mỗi bên 50%.

Đối với yêu cầu của chị T thì anh Phạm Ngọc P đồng ý trả cho chị T số tiền vay là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

***Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*** Căn cước công dân Lê Thị Ngọc T (bản sao), Căn cước công dân Phạm Ngọc P (bản photo), Biên bản thoả thuận ngày 26/7/2022 (bản chính); Văn bản uỷ quyền ngày 27/7/2023 (bản chính).

***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh phát biểu ý kiến:***

*Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đầy đủ và đúng quy định pháp luật.

*Về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, chị T thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu anh P trả số tiền vay còn nợ là 20.000.000 đồng, không yêu cầu giải quyết hùn vốn giữa chị T với anh P, xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị T là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận; đối với việc hùn vốn giữa chị T và anh P nếu có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác. Quá trình giải quyết vụ án, anh P thừa nhận có vay tiền của chị T và hiện còn nợ chị T số tiền 20.000.000 đồng đến nay chưa trả. Căn cứ các Điều 117, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc anh Phạm Ngọc P có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Ngọc T số tiền vay là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).*

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:**

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị T khởi kiện yêu cầu anh P trả số tiền vay 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), không yêu cầu tiền lãi. Ngoài ra, các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 21/01/2025, anh P yêu cầu ngừng phiên tòa để anh P bổ sung tài liệu chứng cứ và nộp đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn Lê Thị Ngọc T nội dung tranh chấp hợp đồng hùn vốn, tuy nhiên anh P đã không có đơn yêu cầu gửi đến Tòa án. Nguyên đơn Lê Thị Ngọc T không có yêu cầu giải quyết hợp đồng hùn vốn giữa chị T với anh P. Do đó, nếu có tranh chấp hợp đồng hùn vốn, các đương sự có quyền yêu cầu khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân. Ngoài ra, do địa chỉ của bị đơn ở huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Anh Phạm Ngọc P có mặt tại phiên toà ngày 21/01/2025. Toà án đã tống đạt hợp lệ, đồng thời triệu tập các đương sự để xét xử lần thứ hai nhưng anh P vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà

không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh P theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

**Về nội dung:**

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc T về việc yêu cầu anh Phạm Ngọc P phải có trách nhiệm trả cho chị Lê Thị Ngọc T số tiền còn nợ là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử nhận định:

Vào năm 2021, xuất phát từ mối quan hệ quen biết trong quá trình anh P đi lắp đặt, sửa chữa máy vi tính nên chị T có cho anh P vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), mục đích vay tiền là tiêu dùng, được anh P thừa nhận là có thật và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Khi thỏa thuận vay tiền thì anh P có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc giao kết hợp đồng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội nên hợp đồng vay tài sản giữa anh P với chị T có hiệu lực pháp luật theo quy định khoản 1 Điều 117 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét thấy, anh P thừa nhận có vay của chị T số tiền 20.000.000 đồng, mục đích vay tiền để tiêu dùng cá nhân. Anh P đã nhận từ chị T số tiền 20.000.000 đồng và cho đến ngày nay anh P chưa trả cho chị T, hiện anh P thừa nhận còn nợ chị T số tiền 20.000.000 đồng. Do đó đối với yêu cầu của chị T thì anh P đồng ý trả cho chị T 20.000.000 đồng.

[5] Đối với số tiền anh P còn nợ chị T là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) cho đến nay anh P vẫn chưa trả. Chị T đã nhiều lần yêu cầu tuy nhiên anh P đã không thực hiện việc trả nợ. Như vậy, có cơ sở xác định anh P vi phạm nghĩa vụ. Từ những phân tích trên, đủ sơ sở xác định anh P có trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Do đó buộc anh P có trách nhiệm trả cho chị T số tiền còn nợ là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) là phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự.

- Về lãi suất: chị T không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng cho anh P, tuy nhiên anh P không có đơn yêu cầu gửi cho Tòa án. Do đó, anh P phải chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình và phải chịu trách nhiệm đối với khoản vay theo yêu cầu của chị T.

Đối với nội dung đương sự trình bày về thỏa thuận hùn vốn để cùng kinh doanh dịch vụ máy tính bao gồm các chi phí phát sinh trong sửa chữa máy tính, cũng như số tiền lợi nhuận chị T chia với anh P hay việc anh P đưa chị T tiền để trả cho công ty tài chính theo định kỳ trả vốn và lãi thì các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp, các đương

sự có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận (như đã phân tích ở trên).

Tại phiên tòa, các đương sự đều xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra, thì các đương sự không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T, buộc anh P có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền vay là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án. Do chấp nhận yêu cầu của chị T nên chị T không phải chịu án phí, anh P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 117, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc T.

Buộc anh Phạm Ngọc P có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Ngọc T số tiền vay là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

**** Về án phí dân sự sơ thẩm:***

- Chị Lê Thị Ngọc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, chị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 1.418.000 đồng (Một triệu, bốn trăm mười tám nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009059 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Anh Phạm Ngọc P phải chịu 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện Cao Lãnh;
- Chi cục THADS HCL;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: HSVA (Q).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Nhã Quyên**